

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 315/2020/HSST

Ngày: 24/06/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mộng Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Diễm- cán bộ hưu trí

Bà Nguyễn Thị Nhạn- cán bộ hưu trí

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Kim Hải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Điều Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 06 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 294/2020/TLST-HS ngày 02 tháng 06 năm 2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 324/2020/QĐXXST-HS ngày 11/06/2020; đối với bị cáo:

1. Họ và tên: Lương Công D; **Tên gọi khác:** không; **Sinh ngày** 11 tháng 12 năm 1991; **Nơi cư trú:** ấp 8, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai; **Quốc tịch:** Việt Nam; **Dân tộc:** Kinh; **Tôn giáo:** Không. **Trình độ học vấn:** lớp 9/12; **Nghề nghiệp:** không ; **Chức vụ:** Không; có cha là Lương Văn H, sinh năm: 1968 (Còn sống); và mẹ là Nguyễn Thị M, sinh năm: 1969 (Còn sống). Gia đình bị cáo có 03 (Ba) anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình có 03 anh em. Bị cáo chưa có vợ con;

Tiền án: Ngày 04/8/2012, bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Nai xử phạt 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. (chưa được xóa án tích).

Tiền sự: không

Bị bắt khẩn cấp ngày 14/3/2020, chuyển tạm giam theo Lệnh số 332/LTG ngày 23/3/2020, của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B.

Bị hại: Trần Thị Tuyết N, sinh năm 1981, hộ khẩu thường trú ấp 3, xã Th, huyện C, tỉnh Đồng Nai

(Bị cáo có mặt, bị hại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 06 giờ ngày 14/3/2020, Lương Công D điều khiển xe mô tô biển số 60B1-044.78 đi từ hướng vòng xoay T, thành phố B về hướng ngã tư bốn nước thuộc phường A, thành phố B. Khi đi đến đường H đoạn thuộc tổ 12, khu phố 3, phường A, thành phố B để mua đồ ăn sáng, D phát hiện 01 (Một) xe đạp điện nhãn hiệu Nijia, màu xám - hồng của chị Trần Thị Tuyết N, sinh năm 1981, hộ khẩu thường trú ấp 3, xã Th, huyện C, tỉnh Đồng Nai đang dựng trên vỉa hè trước nhà số 12, tổ 12, khu phố 3, phường A không có người trông coi nên D nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. D lén lút lấy trộm chiếc xe đạp điện của chị N và để lên phía sau xe mô tô rồi điều khiển xe bỏ đi. Khi đi đến đoạn đường 3A, khu công nghiệp B thì D bị tổ tuần tra của Đoàn Công an khu công nghiệp B yêu cầu kiểm tra và mời về trụ sở để làm việc. Tại đây, D khai nhận về hành vi trộm cắp tài sản nên Công an đồn khu công nghiệp chuyển đến Công an phường A lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B giải quyết theo thẩm quyền.

Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) xe đạp điện nhãn hiệu Nijia, màu xám - hồng là tài sản của chị Trần Thị Tuyết N. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã thu hồi trả lại cho chị N.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Shash, biển số: 60B1-044.78. Quá trình điều tra, bị cáo Lương Công D và chị Nguyễn Thị Ngọc Á (là người yêu của D) trình bày xe mô tô trên là của chị Nguyễn Thị Ngọc Á cho D mượn để đi công việc, chị Á không biết D sử dụng xe mô tô trên để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Tuy nhiên, xe mô tô trên do anh Nguyễn Xuân H, sinh năm 1966, hộ khẩu thường trú số 11/3/, khu phố 8, phường T, thành phố B đứng tên đăng ký xe. Hiện anh H không có mặt tại địa phương nên chưa làm việc được, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B tiếp tục tạm giữ làm rõ, xử lý sau.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 99/TCKH-HĐĐG ngày 16/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản thành phố B kết luận: “01 (Một) xe đạp điện nhãn hiệu Nijia có giá trị tài sản định giá là: 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng)”.

Về dân sự: Bị hại Trần Thị Tuyết N đã nhận lại nên không yêu cầu bồi thường.

Tại cáo trạng số 318/CT-VKS-HS ngày 03/06/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố Lương Công D về tội “ Trộm cắp tài sản ” theo quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ hình hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên Tòa, Kiểm sát viên trình bày lời luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị xử phạt Lương Công D mức án tù 14(mười bốn) tháng tù đến 18(mười tám) tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Đối với hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Biên Hòa, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2] Về pháp luật áp dụng và xác định tội danh:

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp lời khai của bị hại, người làm chứng và chứng cứ có tại hồ sơ. Từ đó có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 06 giờ ngày 14/3/2020, trước nhà số 12, đường H thuộc tổ 12, khu phố 3, phường A, thành phố B, Lương Công D đã có hành vi trộm cắp 01 (Một) xe đạp điện nhãn hiệu Nijia trị giá là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) của chị Trần Thị Tuyết N thì bị bắt giữ để điều tra xử lý.

Căn cứ khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “ Trộm cắp tài sản ”.

[3] Về các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác làm mất an ninh trật tự tại địa phương, bị cáo là người đã có tiền án về tội “ Mua bán trái phép chất ma túy” không tích cực sửa chữa sai lầm mà vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó cần xử phạt bị cáo mức án đủ nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo và giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt, sống tuân thủ pháp luật, đồng thời còn nhằm răn đe và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên cũng xét thấy bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

[4] Về biện pháp tư pháp và trách nhiệm dân sự:

Bị hại Trần Thị Tuyết N đã nhận lại nên không yêu cầu bồi thường nên không đặt ra xem xét.

01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Shash, biển số: 60B1-044.78. Quá trình điều tra, bị cáo Lương Công D và chị Nguyễn Thị Ngọc Á (là người yêu của D) trình bày xe mô tô trên là của chị Nguyễn Thị Ngọc Á cho D mượn để đi công việc, chị Á không biết D sử dụng xe mô tô trên để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Tuy nhiên, xe mô tô trên do anh Nguyễn Xuân H, sinh năm 1966, hộ khẩu thường trú số 11/3/, khu phố 8, phường T, thành phố B đứng tên đăng ký

xe. Hiện anh H không có mặt tại địa phương nên chưa làm việc được, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B tiếp tục tạm giữ làm rõ, xử lý sau là phù hợp.

[5] Về án phí HSST: bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lương Công D phạm tội: “ Trộm cắp tài sản ”.

Áp dụng khoản 1 điều 173; điểm s khoản 1 điều 51, điểm h khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 được sửa đổi bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử phạt: Lương Công D 1(Một) năm 02(hai) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày 14/03/2020.

2. Về án phí HSST: Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

3. Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Đồng Nai;
- VKS ND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Mộng Hà

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO ÁN

Kính gửi: **Ban lãnh đạo Tòa án nhân dân TP. Biên Hòa**

Tôi tên: Trần Thị Mộng Hà- Thẩm phán Tòa án nhân dân TP. Biên Hòa.

Tôi xin báo án việc xét xử đối với vụ án hình sự Vũ Minh Tấn bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa truy tố về tội Buôn bán hàng cấm theo quy định tại khoản 2 điều 190 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017

Họ và tên: **Vũ Minh Tấn**

Tên gọi khác: không

Sinh ngày 20 tháng 7 năm 1976.

Nơi cư trú: 42, đường 100, phường Tân Phú, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh - Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: lớp 4/12 - Nghề nghiệp: Làm thuê - Chức vụ: Không

Họ tên cha: Vũ Quang Phiếu, sinh năm: 1935 (Còn sống).

Họ tên mẹ: Lê Thị Chè, sinh năm: 1934 (Còn sống)

Họ tên anh bị cáo: Vũ Xuân Hoài, sinh năm: 1968

Họ tên anh bị cáo: Vũ Hồng Quang, sinh năm: 1970

Họ tên anh bị cáo: Vũ Tiến Lực, sinh năm: 1973

Họ tên em bị cáo: Vũ Thị Thu Hiền, sinh năm: 1977

Gia đình bị cáo có 05 (năm) anh em, bị cáo là con thứ 4, có vợ tên Nguyễn Thị Thu, sinh năm 1977 và có 02 (Hai) con (lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2010).

Tiền án, tiền sự: không

Bị bắt quả tang ngày 29 tháng 11 năm 2018, chuyển tạm giam theo Lệnh số 15/LTG ngày 05 tháng 12 năm 2018, của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa, đến ngày 04 tháng 01 năm 2019 được Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa thay đổi biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh. Ngày 16/05/2019 bị công an quận Thủ Đức bắt và tạm giam trong vụ án” Buôn bán, vận chuyển hàng cấm”

NỘI DUNG VỤ ÁN

Thông qua mối quan hệ ngoài xã hội Vũ Minh Tấn biết được người tên Quýt (không rõ họ, địa chỉ) bán thuốc lá điều nhập lậu. Để có tiền tiêu xài Tấn đã nảy sinh ý định mua thuốc lá điều nhập lậu (Hàng cấm) của Quýt về bán lại để kiếm lời. Thực hiện ý định trên, khoảng 06 giờ ngày 29 tháng 11 năm 2018, Tấn điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda biển số 18 – 628T7 đi từ nhà tại số 42, đường 100, phường Tân Phú, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh đến chợ Bình Đáng thuộc phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương rồi gọi điện thoại cho Quýt hỏi mua thuốc lá điều nhập lậu thì Quýt đồng ý. Sau đó, Quýt

bán cho Tấn 3100 (Ba ngàn một trăm) bao thuốc lá điều nhãn hiệu “Jet” và 700 (Bảy trăm) bao thuốc lá nhãn hiệu “Hero” đựng trong 04 (Bốn) thùng giấy rồi Tấn thanh toán trước cho Quýt số tiền 22.000.000 đồng (Hai mươi hai triệu đồng) số tiền còn lại sẽ thanh toán sau. Có được số thuốc lá trên, Tấn bỏ lên xe mô tô rồi điều khiển xe đi về thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để tiêu thụ. Khi đi đến khu vực chợ Sặt thuộc khu phố 4 phường Tân Biên, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai thì Tấn bị đội Cảnh sát kinh tế Công an thành phố Biên Hòa kiểm tra phát hiện và bắt giữ để xử lý

Vật chứng vụ án:

+ 3100 (Ba ngàn một trăm) bao thuốc lá điều nhãn hiệu “Jet”, 700 (Bảy trăm) bao thuốc lá nhãn hiệu “Hero”.

+ 01 (Một) xe mô tô hiệu Honda biển số: 18 – 628T7, Tấn sử dụng vào việc phạm tội. Qua điều tra xác minh chiếc xe mô tô trên là tài sản chung của vợ chồng Tấn, khi Tấn sử dụng chiếc xe trên để thực hiện vào việc phạm tội thì chị Nguyễn Thị Thu (là vợ Tấn) không biết.

+ 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Itel của Tấn sử dụng vào việc phạm tội.

Tại cáo trạng số 203/CT-VKS-HS ngày 22/04/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa đã truy tố Vũ Minh Tấn về tội “ Buôn bán hàng cấm” theo quy định tại khoản 2 điều 190 Bộ hình hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Về tội danh: thống nhất quan điểm của Viện kiểm sát

Về mức hình phạt: đề xuất mức hình phạt từ 06(sáu)| năm đến 06(sáu)| năm 06(sáu) tháng

BÁO ÁN.

Bị cáo: Lê Duy Công, sinh năm: 2000. Địa chỉ: ấp Đông Mỹ, xã Trần Thới, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Bị viện kiểm sát nhân dân TP biên Hòa truy tố về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 điều 171 BLHS.

Tiền án+ tiền sự: không.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Khoảng 13 giờ ngày 23/05/2018, Nguyễn Văn Sĩ đi bộ đến nhà anh Trần Gia Nhân , lúc này anh Nhân đang nằm ngủ trong phòng còn bà Lê Thị Minh Châu mẹ của anh Nhân đang quét rác ngoài sân, Sĩ đi vào trong nhà thấy chiếc xe mô tô biển số 60H3-6386 nhãn hiệu Honda Dream màu nâu có cắm sẵn chìa khóa trên xe, Sĩ liền lén lút dắt xe ra ngoài cổng rồi nổ máy điều khiển xe bỏ chạy. Bà Châu nhìn thấy bèn kêu lên và vào phòng ngủ báo cho anh Nhân biết sự việc Sĩ lấy chiếc xe , anh Nhân chạy bộ đuổi theo Sĩ nhưng không kịp nên trình báo 102 việc lên công an xã Phước Tân. Sau khi trộm cắp chiếc xe mô tô trên của anh Nhân, Sĩ đem cầm cho 01 người đàn ông tên Tư(không rõ họ, địa chỉ) với giá 3.000.000đ. Đến ngày 31/08/2018 Sĩ bị phát hiện bắt giữ khẩn cấp và khởi tố xử lý.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 322/TCKH-HĐĐG ngày 25/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Biên Hòa kết luận một xe mô tô Honda Dream màu nâu, biển số 60H3-6386, số máy 0172307, số khung 172260 có tổng giá trị định giá tài sản là 14.520.000đ

Về tội danh: thống nhất quan điểm của Viện kiểm sát

Về mức hình phạt:

Người báo án

